

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0417.VKH(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung
Mô tả mẫu : Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : 25.0417.KK1- KK2
Thông tin lấy mẫu : Khu vực gần cụm thiết bị nén (khu vực máy nén đầu ra)
Khu vực cụm nén khí (máy nén khí điều khiển)

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2018	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Tiếng ồn	Độ rung
Đơn vị	dBA	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén (khu vực máy nén đầu ra) (25.0417.KK1)	76,4	48
2. Khu vực cụm nén khí (máy nén khí điều khiển) (25.0417.KK2)	83,7	50
QCVN 26:2025/BNNMT	6 giờ - 18 giờ: 85	-
QCVN 27:2025/BNNMT	-	6 giờ - 22 giờ: 75

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



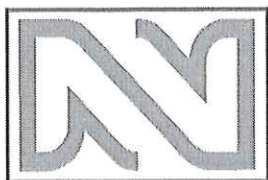
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải công nghiệp
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT1
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý (Tọa độ: 561578 - 1020967)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

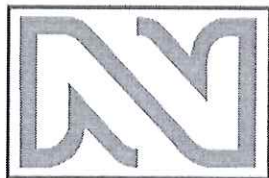
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp thực hiện
1.	Nhiệt độ ^(a)	°C	29,5	40	SMEWW 2550B:2023 ^(*)
2.	pH ^(a)	-	7,02	5,5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
3.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	12,0	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	17,8	50	TCVN 6001-1:2021
5.	COD ^(a)	mg/L	36,4	150	SMEWW 5220C:2023
6.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	1,52	-	SMEWW 5520B&F:2023
7.	Tổng Nito ^{(a)(b)}	mg/L	2,19	40	TCVN 6638:2000
8.	Tổng Phospho ^{(a)(b)}	mg/L	0,152	6	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9.	Clorua ^{(a)(b)}	mg/L	50,4	1.000	TCVN 6194:1996
10.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	0,350	0,5	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp thực hiện
11.	Crom (VI) ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD</i> =0,002)	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12.	Sắt ^{(a)(b)}	mg/L	0,491	5	SMEWW 3500-Fe.B:2023
13.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	240	5.000	SMEWW 9221B:2023
14.	Cu ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD</i> =0,033)	2	SMEWW 3111B:2023
15.	Pb ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD</i> =0,0018)	-	SMEWW 3113B:2023
16.	Zn ^{(a)(b)}	mg/L	0,172	3	SMEWW 3111B:2023
17.	Cd ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD</i> =0,00016)	0,1	SMEWW 3113B:2023
18.	Hg ^{(a)(b)}	mg/L	0,0035	0,01	SMEWW 3112B:2023
19.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	7,344	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

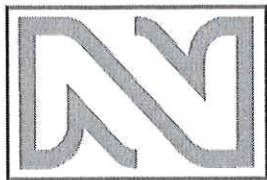
Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải công nghiệp
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT1
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý (Tọa độ: 561578 - 1020967)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp thực hiện
1.	DO ^(b)	mg/L	3,4	-	TCVN 7325:2016 ^(*)

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



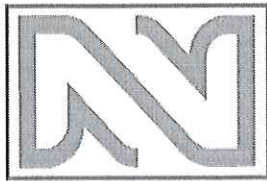
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT2
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà điều khiển/ thí nghiệm (Tọa độ: 561338 - 1020802)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

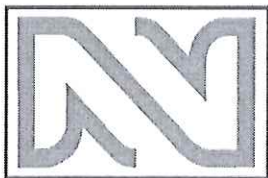
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,6°C)	-	6,82	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	16,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	11,5	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^{(a)(b)}	mg/L	3,06	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	2,86	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
8.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	1,18	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,164	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	170	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,4578	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

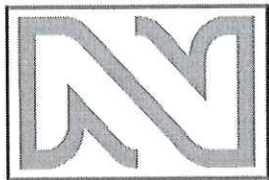
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT3
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà ăn (Tọa độ: 561305 - 1020640)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

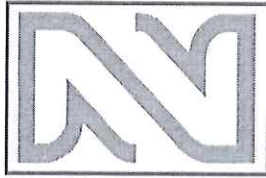
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,9°C)	-	6,88	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^(a) (b)	mg/L	14,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a) (b)	mg/L	15,8	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a) (b)	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^(a) (b)	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^(a) (b)	mg/L	2,18	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^(a) (b)	mg/L	9,08	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^(a) (b)	mg/L	0,914	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD=0,04</i>)	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,353	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	4.000	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	1,134	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



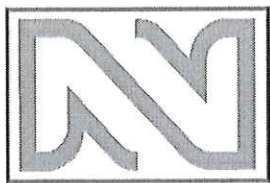
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT4
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại văn phòng (Tọa độ: 561327 - 1020638)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

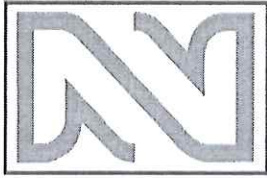
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (29,0°C)	-	6,90	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	18,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	15,2	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^{(a)(b)}	mg/L	2,09	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^{(a)(b)}	mg/L	9,24	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^{(a)(b)}	mg/L	1,08	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD=0,04</i>)	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,948	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	340	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,4808	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

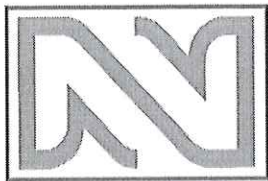
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT5
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy) (Tọa độ: 561368 - 1020592)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

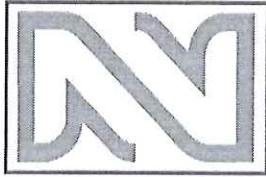
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,9°C)	-	7,02	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	68,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	49,1	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^{(a)(b)}	mg/L	2,11	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^{(a)(b)}	mg/L	9,34	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^{(a)(b)}	mg/L	0,702	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	0,180	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,483	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	40	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,2540	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

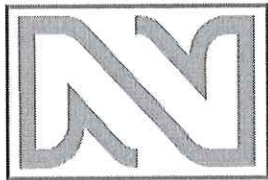
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT6
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (Khu vực kho chứa sản phẩm) (Tọa độ: 561810 - 1020575)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

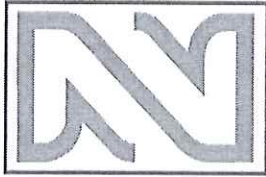
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,2°C)	-	6,72	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	13,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	29,7	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	1,48	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	0,122	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^{(a)(b)}	mg/L	7,63	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^{(a)(b)}	mg/L	11,2	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^{(a)(b)}	mg/L	0,765	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD</i> =0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	1,56	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	270	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,5034	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

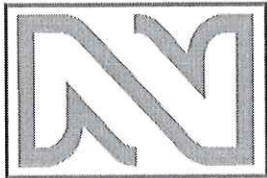
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT7
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển (Tọa độ: 561903 - 1020595)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

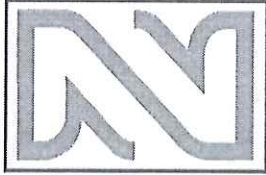
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,6°C)	-	6,86	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	18,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	40,8	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^{(a)(b)}	mg/L	5,74	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^{(a)(b)}	mg/L	8,61	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^{(a)(b)}	mg/L	0,531	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD=0,04</i>)	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,868	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	2.200	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,4355	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



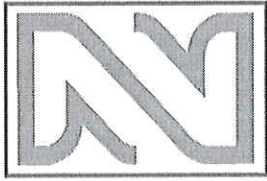
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT8
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà kho/Xưởng (Tọa độ: 561410 - 1020610)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

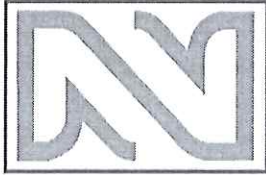
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,8°C)	-	6,91	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^(a) (b)	mg/L	15,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a) (b)	mg/L	36,4	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a) (b)	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^(a) (b)	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^(a) (b)	mg/L	1,08	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^(a) (b)	mg/L	10,2	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^(a) (b)	mg/L	0,610	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD</i> =0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,173	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	11	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,4241	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



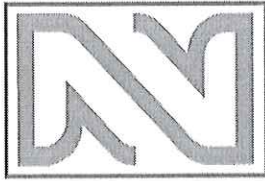
Nguyễn Thị Dương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT9
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm (Tọa độ: 561653 - 1022186)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

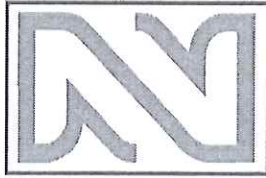
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,9°C)	-	7,00	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	8,02	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	4,32	60	TCVN 6001-1:2021
4.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
5.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
6.	Phosphat ^{(a)(b)}	mg/L	0,540	12	SMEWW 4500-P.E:2023
7.	Amoni ^{(a)(b)}	mg/L	1,48	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Nitrat ^{(a)(b)}	mg/L	3,73	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (<i>LOD=0,04</i>)	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
10.	Fe ^{(a)(b)}	mg/L	0,121	-	SMEWW 3500-Fe.B:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	14	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	0,4059	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



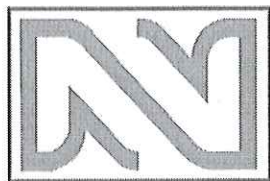
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NS(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước cấp sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NS1
Thông tin lấy mẫu : Nước sinh hoạt tại nhà ăn
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

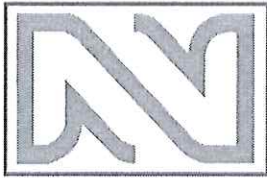
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) /Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(b) (25,1°C)	-	8,04	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1.100	2	SMEWW 2130B:2023
3.	Màu sắc ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	TCVN 6185:2015
4.	Mùi	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	HD-TN-N47 (Ref.SMEWW 2150:2023)
5.	Florua ^(b)	mg/L	KPH	0,58	1,5	SMEWW 4500-F-B&D:2023
6.	Clo dư ^(b)	mg/L	0,32	0,5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-Cl.G:2023
7.	KMnO ₄ ^(b)	mg/L	< 1,0	1,0	2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)
8.	As ^(b)	µg/L	KPH	6,0	10	SMEWW 3114C:2023
9.	Coliform ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019
10.	E.coli ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NS(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) / Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>) ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	SMEWW 9213B:2023

Ghi chú:

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017